TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/DS-PT.
Ngày: 03/8/2021
V/v: "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Vinh
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thạo
Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hương Mai - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 06/01/2021 về việc: "Kiện đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2021/QĐ-PT ngày 05/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐ-PT ngày 12/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐ-PT ngày 11/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2021/QĐ-PT ngày 09/7/2021 giữa:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H
Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M, Giám đốc (vắng mặt)
Địa chỉ: Lô số X, cụm công nghiệp T - P, thôn T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1961; HKTT: Số nhà Y, đường Nguyễn Đình T, phường Hoàng Văn Th, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1947 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang
- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: thôn Ng, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND huyện L, do ông Nguyễn Khánh H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- UBND thị trấn V, L, do ông Nguyễn Văn Minh - Chủ tịch UBND thị trấn V đại diện theo pháp luật (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Việt H2 - Cán bộ Tư pháp thị trấn V (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H, do ông Trần Văn M, Giám đốc đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty TNHH sản xuất vận tải thương mại H (gọi tắt là công ty H) được UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận cho thực hiện dự án đầu tư *"Xưởng sản xuất dầu thực vật*" với diện tích đất 6.093 m2 tại Lô số X, cụm công nghiệp T-P thôn T, xã P, huyện L theo Quyết định số 387 ngày 10/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, Công ty H đã phối hợp với UBND xã P thực hiện việc thỏa thuận, chuyển nhượng, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thu hồi đất của các hộ dân tại phạm vi khu dự án đã được phê duyệt *(Trên cơ sở thỏa thuận mua bán tự nguyện)*.

- Quá trình thỏa thuận, công ty H đã thực hiện việc mua đất nông nghiệp của hộ bà Nguyễn Thị Th - Do bà Th là người đại diện đứng ra giao dịch việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Theo đó bà Th đồng ý chuyển nhượng 02 thửa đất nông nghiệp số 370 và 372 tại tờ bản đồ số 19 cho Công ty H với mức giá do hai bên thỏa thuận chuyển nhượng 02 thửa đất nói trên là 105.000.000 đồng. Công ty H khẳng định chỉ nhận chuyển nhượng 02 thửa đất nông nghiệp số 370 và 372 tại tờ bản đồ số 19. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng đất của hộ bà Th thì trên 02 thửa đất nông nghiệp này hoàn toàn là đất trống không có tài sản, hoa mầu trên đất.

- Việc trả tiền đất cho bà Th: Công ty H đã phối hợp và nhờ UBND xã P trả tiền nhận chuyển nhượng đất cho bà Th. Cụ thể là anh Nguyễn Việt H2 - Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch xã P đã trực tiếp đứng ra trả số tiền 105.000.000 đồng tiền chuyển nhượng 02 thửa đất nông nghiệp cho bà Nguyễn Thị Th.

- Ngay sau khi trả đủ tiền đất cho hộ bà Nguyễn Thị Th, Công ty H đã tiến hành việc san lấp mặt bằng để thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra. Khoảng tháng 4/2018 công ty H đề nghị UBND xã P hoàn thiện hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng đất nông nghiệp của các hộ dân thôn T cho công ty. Phía công ty đã nhận được văn bản phúc đáp của UBND xã P về việc hộ bà Th có thành viên trong gia đình không đồng ý, không nhất trí chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho công ty H nên bà Th không đồng ý chuyển nhượng đất nông nghiệp cho công ty H nữa. Công ty H đã phối hợp với UBND xã P mời bà Th lên UBND xã để bàn bạc để giải quyết vụ việc. Qua một vài buổi làm việc, bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết không bán đất cho công ty H, bà Th cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền 105.000.000 đồng - Là số tiền bán 02 thửa đất nông nghiệp cho công ty. Về phía

công ty H cũng đề nghị nếu bà Th không bán đất thì công ty cũng không mua nữa nhưng đề nghị gia đình bà Th phải trả lại số tiền 105.000.000 đồng mà bà đã nhận. Đồng thời tạo điều kiện để công ty H múc đất đã san lấp trả lại mặt bằng ban đầu cho hộ bà Th. Nhưng bà Th không chịu trả lại tiền. Công ty H đã liên hệ với bà Th với mong muốn giải quyết dứt điểm vụ việc nhưng bà Th luôn cố tình tránh né.

Trên cơ sở nội dung vụ việc cụ thể ở trên, công ty H đề nghị TAND huyện L giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại cho Công ty H số tiền 105.000.000đ (*Một trăm linh năm triệu đồng*) tiền chuyển nhượng 02 thửa đất nông nghiệp số 370 và 372 tại tờ bản đồ số 19 thôn T, xã P, huyện L.

- Buộc bà Nguyễn Thị Th phải tạo điều kiện cho Công ty H vận chuyển số đất đã san lấp tại 02 thửa đất nông nghiệp số 370 và 372, tờ bản đồ số 19.

Tại biên bản đối chất ngày 18/6/2020 đại diện theo ủy quyền của công ty H là ông Nguyễn Đức Tuân trình bày:

Sau khi có Quyết định phê duyệt giải phóng mặt bằng của UBND tỉnh Bắc Giang thì Công ty H đã phối hợp với UBND xã P thực hiện việc thỏa thuận, chuyển nhượng, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thu hồi đất của các hộ trong phạm vi dự án đã được phê duyệt.

Quá trình thỏa thuận, Công ty H đã thực hiện mua đất nông nghiệp của hộ bà Th đối với 370, 372 tờ bản đồ số 19 với giá là 105.000.000đ. Việc thỏa thuận mua bán ruộng với bà Th thì không có giao dịch thỏa thuận gì bằng văn bản. Công ty H có thông qua UBND xã P, cụ thể là anh Nguyễn Việt H2 - Cán bộ Tư pháp xã P làm trung gian để thỏa thuận miệng với bà Th về việc mua bán đối với thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19. Vì vậy, Công ty H không cung cấp được cho Tòa án các văn bản giao dịch về việc chuyển nhượng 02 thửa đất trên.

Đối với số tiền 105.000.000đ mà Công ty H đã trả cho bà Th: Khoảng tháng 4/2017 Công ty H có thông qua anh Nguyễn Việt H2 - Cán bộ tư pháp xã P để giao tiền cho bà Th và anh Hải có giao lại 02 Biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất có chữ ký của bà Th. Tòa án có yêu cầu Công ty H giao nộp 02 biên bản giao nhận trên nhưng do hiện nay không còn nên không cung cấp cho Tòa án được.

Việc Công ty H đưa số tiền 105.000.000đ cho anh Hải để anh Hải trả bà Th là số tiền chuyển nhượng 02 thửa đất thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 chứ không phải trả tiền hoa mầu trên đất. Vì 02 thửa ruộng của bà Th nêu trên hoàn toàn là đất trống, không có tài sản, hoa mầu gì trên đất. Vì vậy không có việc kiểm đếm tài sản trên đất.

Đối với 02 biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất (bản phô tô có) mà Công ty H đã cung cấp cho cơ quan công an huyện L là do anh Hải lập khi trả tiền cho bà Th. 02 Biên bản chỉ có chữ ký của bà Th chứ không có chữ ký của thành viên nào, không có ngày tháng năm và bên trả tiền là Hộ kinh doanh Trần Văn M (không phải công ty H). Công ty H không thừa nhận 02 biên bản trên. Việc trả tiền và chuyển nhượng đất với bà Th chỉ là bằng miệng và thông qua anh Hải, không có văn bản giao dịch nào.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2020 và các lời khai tiếp theo bị đơn là

bà Nguyễn Thị Th trình bày: Hộ gia đình bà có 02 thửa đất nông nghiệp gồm thửa số 370, tờ bản đồ số 19 diện tích 230 m2 và thửa số 372, tờ bản đồ số 19 diện tích 156 m2 tại xứ đồng Trước, thôn T, P, L, Bắc Giang đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Th. Ngoài ra bà còn khai hoang được khoảng 06 thửa đất khác nằm rải rác cạnh 02 thửa đất nêu trên. Các thửa đất bà khai hoang có được là từ những năm 1960 và sử dụng ổn định cho đến nay. Hiện nay các thửa đất bà khai hoang đều đã thể hiện trên bản đồ đo đạc và sổ địa chính của xã P. Trên diện tích các thửa đất nêu trên thì bà sử dụng làm đất trồng cây ăn quả, chủ yếu là cây táo được khoảng 15 năm tuổi.

Khoảng vào năm 2017 UBND xã P có mời bà lên UBND xã P để làm việc, vận động đền bù giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất canh tác. Khi đó giữa bà và UBND xã P chỉ nói chuyện với nhau bằng miệng chứ không có biên bản gì. Quan điểm của bà là không nhất trí với việc đền bù giải phóng mặt bằng đối với các thửa ruộng canh tác mà bà đã khai hoang. Sau đó UBND xã P có hỏi bà là Công ty H muốn mua số táo trồng trên các thửa đất bà khai hoang để đi vào đổ đất, san lấp mặt bằng các thửa đất khác với giá là 105.000.000đ thì bà đã đồng ý. Còn đối với 02 thửa đất số 370, 372 thì bà không thỏa thuận gì.

Vào khoảng cuối năm 2017 có người đến nhà bà (tự nhận là người của công ty H, bà không biết là ai). Người đó có giao cho bà số tiền 105.000.000đ tiền đền bù số cây táo mà bà trồng trên thửa đất số 370, 372 và những thửa đất khai hoang. Bà là người trực tiếp nhận số tiền 105.000.000đ và ký nhận vào 02 biên bản mà người đó đưa cho. Khi bà ký 02 biên bản và nhận tiền thì không đọc nội dung trong 02 biên bản nên không biết nội dung trong 02 biên bản mà bà đã ký là gì. Sau đó một vài hôm thì người đó đưa lại cho bà 02 biên bản mà bà đã ký hôm trước (đều là bản phô tô). Việc trả tiền số cây táo trên đất là thống nhất bằng miệng với nhau chứ không lập biên bản kiểm đếm tài sản trên đất. Ngoài 02 biên bản trên thì bà không ký bất kỳ biên bản hoặc hợp đồng nào khác.

Nay Công ty H yêu cầu bà trả số tiền 105.000.000đ thì bà không đồng ý. Vì đó là tiền đền bù tài sản trên đất chứ không phải là tiền chuyển nhượng đất.

Đối với việc yêu cầu bà tạo điều kiện cho Công ty H vận chuyển số đất đã san lấp tại 02 thửa đất số 370 và 372 thì bà không đồng ý. Vì việc san lấp 02 thửa đất số 370, 372 và các thửa đất bà đã khai hoang là không đúng quy định. Việc san lấp các thửa đất của bà đã làm cho thay đổi hiện trạng đất, làm cho gia đình bà không canh tác, không trồng cây gì được trên đất trong 03 năm trở lại đây. Nếu Công ty H nhất quyết vận chuyển đất đã san lấp thì phải vận chuyển hết thửa đất số 370, 372 và các thửa đất bà đã khai hoang để trả lại mặt bằng các thửa đất cho gia đình bà như ban đầu, đồng thời phải làm cống cấp thoát nước vào các thửa đất của bà.

Bà yêu cầu Công ty H phải thanh toán bồi thường cho bà số tiền không canh tác được trên 02 thửa đất nêu trên trong vòng 03 năm với số tiền là 180.000.000đ. Bà đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật. Nhưng bà chỉ yêu cầu bằng lời khai chứ không làm đơn phản tố như Tòa án đã giải thích, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Việt H2 trình bày: Vào đầu năm 2017 ông đang công tác tại UBND xã P với chức vụ là cán bộ Tư pháp hộ tịch xã. Trong quá trình thực hiện dự án thì Hộ kinh doanh Trần Văn M có mua đất ruộng canh tác của một số hộ gia đình thôn T, xã P (nay là tổ dân phố T, thị trấn V). Bản thân ông làm chức vụ Tư pháp hộ tịch xã P nên có thực hiện chứng thực các hợp đồng chuyển nhượng giữa các hộ dân với Hộ kinh doanh Trần Văn M. Riêng đối với hộ bà Th tại thời điểm đó thì có tài sản trên đất, cụ thể là cây táo ăn quả nên giữa Hộ kinh doanh Trần Văn M và hộ bà Th có thỏa thuận với nhau về việc chi trả tiền đối với tài sản trên đất với số tiền là 105.000.000đ. Khi đó Hộ kinh doanh Trần Văn M có nhờ ông lập 02 Biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất, cụ thể: Đối với thửa số 375 tờ bản đồ số 19 là đất công ích thì thỏa thuận số tiền là 25.000.000đ; đối với 02 thửa số 370 và 372 tờ bản đồ số 19 là đất 20 năm thì thỏa thuận số tiền là 80.000.000đ. Đối với việc trả số tiền trên cho bà Th: ông nhớ ngày hôm trả tiền là vào khoảng tháng 4/2017 có 02 người phụ nữ là nhân viên của Hộ kinh doanh Trần Văn M có đến gặp ông nhờ đưa đến nhà bà Th trả tiền. Khi đến nhà bà Th thì 02 người phụ nữ trên là người trực tiếp trả tiền cho bà Th. Sau khi bà Th nhận tiền xong thì có ký vào 02 Biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất mà ông đã soạn thảo giúp cho Hộ kinh doanh Trần Văn M. Ông đã được Tòa án cho xem 02 Biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất đang lưu trong hồ sơ vụ án và thấy là đúng như 02 biên bản mà hôm bà Th nhận tiền và ký nhận.

Trong 02 Biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất thì có "Bên trả tiền" là Hộ kinh doanh Trần Văn M, vì khi đó Hộ kinh doanh Trần Văn M là tổ chức đứng ra mua bán ruộng với các hộ dân. Khi đó Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H chưa thành lập.

Về bản chất của việc Hộ kinh doanh Trần Văn M trả số tiền 105.000.000đ cho bà Th là đền bù tài sản trên đất hay là trả tiền đất thì tôi không nắm được. Hiện nay ông chưa lần nào tiếp nhận hồ sơ chứng thực hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng từ hộ gia đình bà Nguyễn Thị Th với Hộ kinh doanh Trần Văn M. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H đối với bà Nguyễn Thị Th theo quy định của pháp luật.

Ông cũng đã có lời khai tại cơ quan công an huyện L trình bày rất cụ thể về việc thanh toán nhận tiền giữa Hộ kinh doanh Trần Văn M và bà Th và ông giữ nguyên lời khai tại cơ quan công an huyện L. Đồng thời ông xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã P (nay là thị trấn V) trình bày: Năm 2017 Hộ kinh doanh Trần Văn M, sau đổi tên là Công ty H thực hiện dự án đầu tư tại cụm công nghiệm T - P. UBND xã P tạo điều kiện cho Công ty trong việc cung cấp thông tin địa chính và tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng để làm thủ tục chứng thực theo quy định. Việc mua bán và thanh toán tiền đất, tài sản trên đất do công ty H trực tiếp thực hiện với các hộ, gia đình sử dụng đất. Vướng mắc giữa hộ bà Th với công ty H đã nhiều lần được UBND xã P cùng cơ quan hữu quan giải quyết nhưng không thành. Nay công ty H khởi kiện bà Th trả số tiền 105.000.000đ thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại văn bản ngày 29/9/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện L do ông Nguyễn Khánh H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Diễn biến vụ việc:

- Ngày 15/12/2014, UBND tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000578 cho hộ Kinh doanh ông Trần Văn M, địa chỉ: Thôn Tân Văn 1, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thực hiện dự án đầu tư: Xưởng sản xuất dầu thực vật tại Lô số X, Cụm công nghiệp T - P, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang, diện tích dự kiến sử dụng khoảng: 5.734 m^2.

Sau khi được chấp thuận đầu tư, hộ kinh doanh ông Trần Văn M đã thỏa thuận và ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khoảng 3.250,5m^2 đất nông nghiệp của 11 hộ gia đình đang sử dụng đất nông nghiệp được giao ổn định 50 năm, tại thôn T, xã P *(trong đó có 02 thửa đất nông nghiệp trồng lúa số 370 và số 372, tờ bản đồ 19, tổng diện tích 386m^2 trả tiền cho hộ bà Nguyễn Thị Th với số tiền 105.000.000 đồng).*

Năm 2017, hộ kinh doanh ông Trần Văn M chuyển đổi quy mô hoạt động từ hộ kinh doanh thành Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H và đã được UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định chủ trương đầu tư số 387/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng xưởng sản xuất dầu thực vật tại Lô số 08, Cụm công nghiệp T - P, xã P, huyện L.

Trên cơ sở các hồ sơ, giấy tờ đã chi trả cho các hộ Công ty H đã thực hiện san lấp mặt bằng trên các thửa ruộng đã thoả thuận với các hộ trong đó có thửa đất số 370 và 372, tờ bản đồ số 19. Nhưng sau đó bà Nguyễn Thị Th không đồng ý chuyển nhượng QSD đất cho Công ty H nên ngày 09/4/2019, bà Nguyễn Thị Th, đã có Đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung: Khiếu kiện Công ty sản xuất, vận tải, thương mại H vi phạm pháp luật về đất đai đối với 02 thửa đất số 370 và 372 và nhiều thửa ruộng khác thuộc tờ bản đồ số 19. Chủ tịch UBND huyện thụ lý theo quy định. Sau khi tiếp nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Th và Công ty H, Chủ tịch UBND huyện L đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND xã P (nay là thị trấn V) để tổ chức làm việc với các bên có liên quan. Tại hội nghị ngày 16/4/2019, các bên đã có ý kiến như sau:

+ Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H đề nghị xác định rõ ranh giới, mốc giới trên thực địa để Công ty thực hiện múc đất trả lại mặt bằng đất trồng lúa theo nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Th.

+ Hộ bà Nguyễn Thị Th không nhất trí cho Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H múc đất đã đổ lên phần diện tích gia đình được cấp GCN QSD đất; tại thời điểm làm việc hộ bà Th đã tự ý trồng cây lấy gỗ (cây Keo) trên phần diện tích Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H đã đổ đất (UBND xã P đã có lập Biên bản đối với việc trồng cây lấy gỗ trên đất trồng lúa đối với hộ bà Nguyễn Thị Th).

2. Quan điểm của UBND huyện L về việc giải quyết vụ án:

Sau khi có Giấy chứng nhận đầu tư do UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận, hộ kinh doanh Trần Văn M đã chủ động liên hệ với UBND xã P *(nay là thị trấn V)* để thực hiện quy chủ và xác định các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nằm

trong khu vực dự án được chấp thuận đầu tư. Trên cơ sở rà soát danh sách các hộ đang sử dụng đất tại thời điểm dự án được chấp thuận, ông M đã thực hiện liên hệ với các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để thực hiện các thủ tục về GPMB, như sau:

+ Đối với diện tích đất do đang hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng ổn định 50 năm *(đất đã được cấp GCN QSD đất hoặc đất đủ điều kiện được cấp GCN QSD đất theo quy định của Luật Đất đai)*. Hộ kinh doanh Trần Văn M (nay là Công ty H) phải tự thực hiện thoả thuận với các hộ theo quy định tại Điều 193, Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện L không can thiệp vào việc thoả thuận giữa Chủ đầu tư và các hộ gia đình, cá nhân.

+ Đối với phần diện tích các hộ đang sử dụng như thuộc Quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND xã P quản lý (nay là thị trấn V). Trên cơ sở Giấy chứng nhận đầu tư *(nay là Quyết định chủ trương đầu tư của Công ty H)* đã được UBND tỉnh chấp thuận, UBND xã P có văn bản gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện để thực hiện rà soát, kiểm tra lại các thửa đất; trên cơ sở rà soát Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp có Văn bản đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện ban hành Kế hoạch thu hồi đất và Thông báo thu hồi đất theo trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Ban hành quy định về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Theo các hồ sơ thu thập thông tin qua việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị Th và Công ty H cho thấy, bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn M (đại diện Công ty H) đã thoả thuận với nhau số tiền là 105.000.000 đồng.

Đây là việc thoả thuận riêng giữa bà Nguyễn Thị Th và Công ty H nên tài sản trên đất của hộ bà Th có được kiểm đếm không và đền bù như thế nào thì UBND huyện L không nắm được.

UBND huyện L không tham gia vào quá trình đề bù, bồi thường GPMB giữa Chủ đầu tư và hộ bà Nguyễn Thị Th.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 370 và 372, tờ bản đồ số 19, theo kết quả xác minh đến tại thời điểm tham gia ý kiến của Toà án nhân dân huyện L cho thấy:

- Ngày 10/5/1994, UBND huyện đã cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 370; 372 cho 03 hộ gia đình, cá nhân tại thôn T, xã P (nay là thị trấn V), cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Th được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất 370 và 372.

- Hộ bà Phạm Thị Xuyên được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất 370;

- Hộ ông Nguyễn Văn Hùng được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất 372.

- Tại thời điểm kiểm tra, Sổ mục kê ruộng đất lưu trữ tại UBND xã P cũ (nay là thị trấn V) liên quan đến việc chia ruộng tại thời điểm năm 1993, trong đó thể hiện thửa đất số 372, do hộ ông Hùng đứng tên và thửa đất số 370 do hộ bà Xuyên đứng tên.

- Theo Sổ địa chính lưu trữ tại UBND xã P cũ thể hiện:

+ Hộ bà Nguyễn Thị Th được cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất số 370, tờ bản đồ 19, diện tích 230m^2 và thửa đất số 372, tờ bản đồ 19, diện tích 156m^2;

+ Hộ ông Nguyễn Văn Hùng được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ 19, diện tích 156m^2;

+ Hộ bà Phạm Thị Xuyên cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 370, tờ bản đồ 19, diện tích 230m^2.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty H với nội dung "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Nguyễn Thị Th. Đây là nội dung thoả thuận dân sự nên đề nghị Toà án nhân dân huyện L xét xử vụ việc theo quy định.

Đối với số đất đã san lấp vào 02 thửa đất số 370 và 372, tờ bản đồ số 19 của Công ty H là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013. Nhưng sau khi san lấp bà Nguyễn Thị Th đã ra trồng Bạch đàn trên phần diện tích Công ty H san lấp nên đề nghị Toà án nhân dân huyện xét xử theo quy định.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của Toà án nhân dân huyện L đã căn cứ: Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 165; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty H.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải di dời toàn bộ số cây keo trồng trên đất để công ty H di chuyển toàn bộ khối lượng đất đã san lấp tại 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 458 tờ bản đồ số 68 diện tích 594,3 m2) thuộc tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Hiện trạng thửa đất là hình ABCD: phía Bắc (cạnh AB) giáp với Công ty H dài 19,2 m; phía Đông (cạnh BC) giáp với Công ty H dài 30,2 m; phía Nam (cạnh CD) giáp với đường vào Công ty H dài 17,9 m; phía Tây (cạnh DA) giáp với đất canh tác của các hộ ông Bùi Văn Chu, bà Nguyễn Thị Thân dài 32,7 m.

- Khối lượng đất san lấp: chiều cao 1,5 m x 594,3 m2 = 891,45 m3.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu của công ty H về việc buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty H và bà Nguyễn Thị Th mỗi bên phải chịu 2.500.000đ tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ. Do công ty H đã nộp đủ số tiền 5.000.000đ chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ nên buộc bà Th hoàn trả cho công ty H số tiền 2.500.000đ.

Về án phí: Công ty H phải chịu 5.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà công ty H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002092 ngày

26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Công ty H còn phải nộp tiếp số tiền 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/10/2020, Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H do ông Trần Văn M, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án số 39/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của TAND huyện L. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H; Buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H số tiền 105.000.000đ mà bà Th đã nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 13/11/2020 bà Nguyễn Thị Th nộp đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án số 39/2020/DS-ST ngày 20/10/2020 của TAND huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo; bị đơn bà Nguyễn Thị Th không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H, do ông Đỗ Văn T đại diện theo ủy quyền trình bày: Việc giao nhận tiền giữa ông H2 cán bộ tư pháp xã và bà Th thì ông H2 không ký nên không rõ ràng. Việc bà Th nhận số tiền 105.000.000 đồng là tiền chuyển nhượng 02 thửa đất, không phải tiền trả tài sản trên đất. Do vậy nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Th do chị Lê Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Th nhận số tiền 105.000.000 đồng không phải tiền mua bán đất vì không có Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chỉ có giấy nhận tiền bồi thường tài sản trên đất là cây táo, cây chuối để lấy lối đi. Chị Hạnh không chấp nhận yêu cầu của Công ty H. Không chấp nhận chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản, vì đất do công ty H đổ nên công ty phải chịu.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn M, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th. Áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 BLTTDS. Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L. Công ty H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H và của bà Nguyễn Thị Th nộp trong thời hạn luật định được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung, yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH sản xuất, vận tải, thương mại H và của bà Nguyễn Thị Th:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả số tiền 105.000.000đ: Công ty H và bà Th đều thừa nhận vào khoảng đầu năm 2017 giữa công ty H và bà Th có thực hiện giao nhận số tiền 105.000.000đ.

Công ty H trình bày việc giao nhận số tiền 105.000.000đ cho bà Th là chi trả tiền đất đối với 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19, vì các thửa đất trên đều là đất trống, không có tài sản gì. Nhưng Tại biên bản xác minh tại địa phương có xác định hộ bà Th có trồng một số loại cây ăn quả (chủ yếu là cây táo) trên diện tích đất tại thửa số 370, 372 và các thửa đất công ích (thửa số 371, 375, 376 và 360 tờ bản đồ số 19) thuộc thông T, xã P (nay là tổ dân phố T, thị trấn V). Tại các biên bản làm việc của UBND xã P (nay là thị trấn V) với ông Hoàng Trí Công là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty H vào ngày 19/11/2018 và ngày 21/3/2019 thì ông Công đều thừa nhận việc chi trả số tiền 105.000.000đ cho bà Th là công ty H trả tiền đất và tài sản trên đất đối với thửa số 370, 372 và các thửa đất công ích mà bà Th quản lý, sử dụng. Như vậy, xác định trên thửa số 370, 372 và các thửa đất công ích (thửa số 371, 375, 376 và 360 tờ bản đồ số 19) do hộ gia đình bà Th quản lý, sử dụng có tài sản trên đất một số loại cây ăn quả (chủ yếu là cây táo).

Xét về nội dung, mục đích việc giao nhận số tiền 105.000.000đ: Căn cứ vào Biên bản ghi lời khai ông Hoàng Trí Công là Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty H ngày 07/3/2019 tại Công an huyện L; biên bản ghi lời khai bà Trần Thị Thủy là chủ sở hữu của công ty H ngày 06/3/2019 tại Công an huyện L và biên bản ghi lời khai ngày 07/3/2019 của công an huyện L đối với ông Nguyễn Việt H2 - Cán bộ Tư pháp xã P (nay là thị trấn V) và các lời khai của ông H2 trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ khẳng định đối với hộ bà Th tại thời điểm đó có tài sản trên đất, cụ thể là cây táo ăn quả, nên hộ kinh doanh Trần Văn M và hộ bà Th có thỏa thuận với nhau về việc chi trả tiền đối với tài sản trên đất với số tiền là 105.000.000đ.

Ngoài ra, khi công ty H giao tiền cho bà Th và tiếp nhận 02 biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất nhưng không có ý kiến phản đối gì về nội dung của 02 biên bản đó. Như vậy, việc giao nhận số tiền 105.000.000đ giữa công ty H và bà Th được thể hiện bằng 02 biên bản về việc thỏa thuận trả tiền đối với tài sản trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu công ty H cung cấp các tài liệu, chứng cứ về Hợp đồng, giao dịch về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 thôn T, P, L, Bắc Giang với hộ bà Nguyễn Thị Th hoặc các tài liệu, chứng cứ về việc thỏa thuận chuyển nhượng 02 thửa đất nêu trên. Nhưng công ty H không cung cấp được. Vì vậy, công ty H

không chứng minh được việc giao nhận số tiền 105.000.000đ là trả tiền chuyển nhượng đất cho hộ bà Th nên yêu cầu trả lại số tiền 105.000.000đ là không có căn cứ.

[2.2]. Đối với yêu cầu buộc hộ bà Th phải tạo điều kiện cho công ty H di chuyển số đất đã san lấp vào 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 458 tờ bản đồ số 68, diện tích 594,3 m2 theo bản đồ đo đạc năm 2015) để trả lại mặt bằng cho hộ bà Th:

HĐXX xét thấy: Giữa công ty H và bà Th đều thừa nhận là sau khi bà Th nhận số tiền 105.000.000đ thì công ty H có thực hiện việc san lấp đất tại 02 thửa đất nêu trên vào cuối năm 2017, đầu năm 2018.

Theo biên bản xác minh tại thị trấn V xác định: Bà Th trồng cây Bạch đàn trên diện tích đất nông nghiệp là không đúng quy định và UBND xã P đã có văn bản yêu cầu bà Th phải di dời toàn bộ cây Bạch đàn trên đất vào tháng 4/2019. Đối với số đất san lấp vào các thửa số 370, 372 tờ bản đồ số 19 thì không nằm trong biện pháp khắc phục hậu quả tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 32/QĐ-XPVPHC ngày 06/3/2017. Theo bản đồ đo đạc năm 2015 thì khối lượng đất mà công ty H san lấp là thửa số 458 tờ bản đồ số 68, diện tích 594,3 m2. Vì vậy đề nghị di chuyển toàn bộ số đất đã san lấp theo hiện trạng của thửa số 458 tờ bản đồ số 68, diện tích 594,3 m2 của Công ty H là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, cần buộc bà Th phải di dời toàn bộ số cây Bạch đàn trồng trên đất để công ty H di chuyển toàn bộ số đất đã san lấp tại 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 458 tờ bản đồ số 68, diện tích 594,3 m2) là 891,45 m3.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty H. Buộc bà Nguyễn Thị Th phải di dời toàn bộ số cây keo trồng trên đất để công ty H di chuyển toàn bộ khối lượng đất đã san lấp tại 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 458 tờ bản đồ số 68 diện tích 594,3 m2) thuộc tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L. Không chấp nhận yêu cầu của công ty H về việc buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng) là có căn cứ.

[2.3]. Đối với các yêu cầu phản tố của bà Th: Ngày 18/5/2020, bà Th có nộp đơn yêu cầu phản tố ghi ngày 12/5/2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo trả lại đơn yêu cầu phản tố số 22/TB-TA ngày 02/6/2020; Đối với yêu cầu tại buổi đối chất ngày 18/6/2020 thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải thích cho bà Th về quyền yêu cầu phản tố. Nhưng bà Th chỉ yêu cầu bằng lời khai mà không làm đơn phản tố và các thủ tục tố tụng đối với yêu cầu phản tố. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu phản tố của bà Th trong vụ án này là có căn cứ. Bà Th có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Do vậy không có căn cứ xem xét tại cấp phúc thẩm.

[2.4]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản cấp sơ thẩm buộc mỗi bên chịu 50% là có căn cứ vì yêu cầu khởi kiện của Công ty H có căn cứ chấp nhận một phần. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Th. Số cây bà Th trồng trên đất là cây Bạch đàn. Án sơ thẩm ghi cây Keo là không chính xác. Cấp phúc thẩm ghi lại cho đúng.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự kháng cáo nhưg không đưa ra được căn cứ tài liệu chứng minh mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của công ty H, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thuât, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã xét xử.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, công ty H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của Công ty H và bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 148; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 165; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của công ty H.

Buộc bà Nguyễn Thị Th phải di dời toàn bộ số cây Bạch đàn trồng trên đất để công ty H di chuyển toàn bộ khối lượng đất đã san lấp tại 02 thửa đất số 370, 372 tờ bản đồ số 19 (nay là thửa số 458 tờ bản đồ số 68 diện tích 594,3 m2) thuộc tổ dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

- Hiện trạng thửa đất là hình ABCD: phía Bắc (cạnh AB) giáp với Công ty H dài 19,2 m; phía Đông (cạnh BC) giáp với Công ty H dài 30,2 m; phía Nam (cạnh CD) giáp với đường vào Công ty H dài 17,9 m; phía Tây (cạnh DA) giáp với đất canh tác của các hộ ông Bùi Văn Chu, bà Nguyễn Thị Thân dài 32,7 m.

- Khối lượng đất san lấp: Chiều cao 1,5 m x 594,3 m2 = 891,45 m3.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu của công ty H về việc buộc bà Nguyễn Thị Th phải trả lại số tiền 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng:

Về chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty H và bà Nguyễn Thị Th mỗi bên phải chịu 2.500.000đ tiền chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ. Do công ty H đã nộp đủ số tiền 5.000.000đ chi phí định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ nên buộc bà Th hoàn trả cho công ty H số tiền 2.500.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty H phải chịu 5.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà công ty H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2019/0002092 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang. Công ty H còn phải nộp tiếp số tiền 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Th được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002658 ngày 29/10/2020 tại Chi cục Thi hành án huyện L. Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Vinh